

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HỒNG NHẬT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HỒNG NHẬT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HONG NHAT INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109215613

3. Ngày thành lập: 09/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 3 Tòa văn phòng W1, Dự án Vinhomes West Point, Lô đất HH, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: - Chế biến và đóng hộp thịt - Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: - Chế biến và đóng hộp thủy sản - Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh - Chế biến và bảo quản thủy sản khô - Chế biến và bảo quản nước mắm - Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản khác	1020
3.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: - Chế biến và đóng hộp rau quả - Chế biến và bảo quản rau quả khác	1030
4.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật Chi tiết: - Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động, thực vật - Chế biến và bảo quản dầu mỡ khác	1040
5.	Xay xát và sản xuất bột thô Chi tiết: - Xay xát - Sản xuất bột thô	1061
6.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
7.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
8.	Sản xuất đường	1072
9.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
10.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
11.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
12.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
13.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101

14.	Sản xuất rượu vang	1102
15.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
16.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: - Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai - Sản xuất đồ uống không cồn	1104
17.	In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm)	1811
18.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
19.	Sao chép bản ghi các loại (trừ các loại hình Nhà nước cấm)	1820
20.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa	4610
21.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
22.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt - Bán buôn thủy sản - Bán buôn rau, quả - Bán buôn cà phê - Bán buôn chè - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Bán buôn thực phẩm khác	4632
23.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Bán buôn đồ uống có cồn - Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
24.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào (trừ thuốc lá ngoại)	4634
25.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
26.	Bán buôn tổng hợp	4690
27.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
28.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
29.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
30.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ thuốc lá ngoại)	4724
31.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ (trừ thuốc lá ngoại)	4781

32.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ hoạt động của đấu giá viên và hoạt động bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức lưu động hoặc tại chợ)	4789
33.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá bán lẻ qua Internet)	4791
34.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ))	4799
35.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
36.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
37.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
38.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
39.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
42.	Bốc xếp hàng hóa	5224
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hoạt động sắp xếp, tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không)	5229
45.	Bưu chính	5310
46.	Chuyển phát	5320
47.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
48.	Cơ sở lưu trú khác	5590
49.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
50.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
51.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
52.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
53.	Xuất bản phần mềm	5820
54.	Lập trình máy vi tính	6201
55.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
56.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
57.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông)	6311
58.	Công thông tin (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí)	6312

59.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
60.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
61.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020(Chính)
62.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
63.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
64.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
65.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
66.	Quảng cáo	7310
67.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
68.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
69.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
70.	Cho thuê xe có động cơ	7710
71.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
72.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
73.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
74.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
75.	Cung ứng lao động tạm thời (trừ cho thuê lại lao động)	7820
76.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
77.	Đại lý du lịch	7911
78.	Điều hành tua du lịch	7912
79.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
80.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
81.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
82.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
83.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
84.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
85.	Dịch vụ đóng gói	8292
86.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
87.	Đào tạo sơ cấp	8531
88.	Đào tạo trung cấp	8532

89.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
90.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
91.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Các khóa dạy phê bình, đánh giá chuyên môn; dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Dạy đọc nhanh; đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính	8559
92.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
93.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
94.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
95.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
96.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
97.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN CAO SƠN	Phòng 808 CT3B, Khu đô thị Cổ Nhuế, Tổ dân phố Hoàng 7, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	30,000	0190780001 91	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	60.000	600.000.000	30,000		

2	NGUYỄN QUANG SƠN	Thôn Đồng Thổ, Xã Hồng Kỳ, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	30,000	0010720009 98	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	60.000	600.000.000	30,000		
3	NGUYỄN HỒNG NHẬT	Số 5A phố Hàng Quạt, Phường Hàng Gai, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	40,000	0010710005 35	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	80.000	800.000.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HỒNG NHẬT

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 04/12/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001071000535

Ngày cấp: 25/10/2017

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 5A phố Hàng Quạt, Phường Hàng Gai, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 5A phố Hàng Quạt, Phường Hàng Gai, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội